

Số: 289/2026/QĐST-HNGĐ

Thanh Hoá, ngày 22 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 270/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Yên C, sinh năm 2000; số định danh cá nhân: [REDACTED]; địa chỉ: số nhà 71 thôn V, xã Đ, tỉnh Thanh Hoá;

Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm: 1996; số định danh cá nhân: [REDACTED]; địa chỉ: số nhà 71 thôn V, xã Đ, tỉnh Thanh Hoá;

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83; 107; 110; 116; 117; 118 và 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Nguyễn Thị Yên C và anh Trương Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Yên C và anh Trương Văn T thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: chị Nguyễn Thị Yến C và anh Trương Văn T thống nhất có một con chung là Trương Tuệ N, sinh ngày 18/9/2024. Hai bên thỏa thuận: chị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trương Tuệ Nhi; anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị C mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 08/2026 đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

Anh Trương Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ: chị Nguyễn Thị Yến C và anh Trương Văn T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Nguyễn Thị Yến C và anh Trương Văn T thống nhất: chị C chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí chị C phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0004733 ngày 10/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị C được trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Anh Trương Văn T phải nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8, 34, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - Thanh Hoá;
- Phòng THADS khu vực 8 - Thanh Hoá;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Định Tân, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trịnh Xuân Tùng

